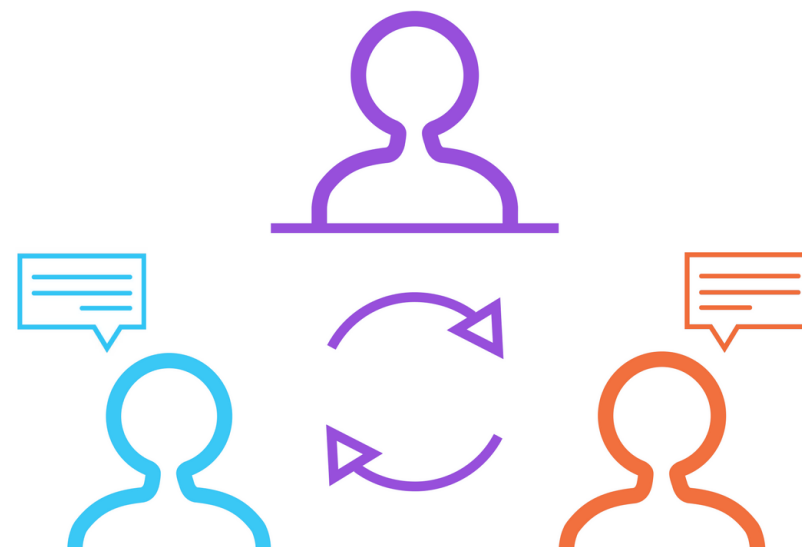


CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC

HOÀ GIẢI THƯƠNG MẠI VỚI HOÀ GIẢI ĐỐI THOẠI TẠI TOÀ ÁN



Nguyễn Hưng Quang

Chủ tịch

Trung tâm hoà giải thương mại quốc tế Việt Nam (VICMC)

18 June 2020

Nội dung



Giới thiệu khái quát về Luật hòa giải, đối thoại tại tòa án



Những thách thức đặt ra đối với hoà giải thương mại



Cơ hội cần tận dụng



GIỚI THIỆU VỀ DỰ THẢO LUẬT HOÀ GIẢI ĐỐI THOẠI TẠI TOÀ ÁN

BỐI CẢNH

- Bắt đầu từ thí điểm hoà giải đối thoại đợt 1 tại Hải Phòng (2017), triển khai thí điểm đợt 2 tại 16 tỉnh, thành phố (trong đó có Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh). Nhưng không thí điểm hết các quận, huyện tại mỗi địa phương.
- Hoà giải viên bao gồm một số cán bộ tư pháp đã nghỉ hưu (thẩm phán, kiểm sát viên, điều tra viên), luật sư. Tại Hải phòng, các hoà giải viên, cán bộ TANDTC được Thẩm phán Hoa đào tạo, hướng dẫn kỹ năng hoà giải. Hoà giải viên ở các địa phương khác chủ yếu do cán bộ TANDTC đào tạo.
- Kết quả thí điểm thì chủ yếu do TANDTC đánh giá là thành công về giảm khối lượng công việc cho Tòa án. Các kết quả khảo sát đánh giá độc lập có thể có nhưng chưa thấy công bố.

NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT (1)

- Không phân định rõ phương pháp và thủ tục hoà giải các tranh chấp dân sự (bao gồm dân sự, kinh doanh thương mại, lao động...) với đối thoại tranh chấp hành chính.
- Nguồn Hoà giải viên đa dạng: Thẩm phán, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên Viện kiểm sát, Chấp hành viên Thi hành án dân sự, Thanh tra viên; luật sư, chuyên gia, nhà chuyên môn khác có ít nhất 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực công tác; người có hiểu biết về phong tục tập quán, có uy tín trong cộng đồng dân cư nếu đáp ứng một số điều kiện. Hoà giải viên được bổ nhiệm trên cơ sở có kinh nghiệm, kỹ năng hoà giải và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ do cơ sở đào tạo của TANDTC cấp (Điều 10).
- Hoà giải viên có quyền “mời người có uy tín tham gia hòa giải, đối thoại; tham khảo ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân có chuyên môn về lĩnh vực tranh chấp, khiếu kiện” (Điều 14).
- Thời gian nhận, giải quyết đơn khởi kiện, đơn yêu cầu theo quy định của Luật này không tính vào thời hiệu khởi kiện, thời hạn xử lý đơn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, nếu vụ việc được giải quyết theo trình tự tố tụng (Điều 18).

NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT (2)

- Ngôn ngữ hoà giải và ngôn ngữ của văn bản thoả thuận hoà giải thành bằng tiếng Việt. Nếu sử dụng ngôn ngữ khác thì phải có phiên dịch do các bên tự bố trí (Điều 3);
- Tài liệu, lời trình bày của các bên trong quá trình hòa giải, đối thoại không được làm chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật trừ trường hợp các bên đồng ý và pháp luật quy định (Điều 4).
- Nhà nước đảm bảo kinh phí cho công tác hòa giải, đối thoại tại Tòa án từ ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật (Điều 6). Đối với các tranh chấp kinh doanh thương mại có giá ngạch, địa điểm hoà giải ngoài Tòa án, chi phí phiên dịch tiếng nước ngoài... thì các bên sẽ phải chịu kinh phí (Điều 9).
- Vụ việc hoà giải sẽ do một thẩm phán phụ trách. Thẩm phán đã tham gia phiên họp ghi nhận kết quả hòa giải, đối thoại không được tham gia giải quyết vụ việc đó theo thủ tục tố tụng dân sự, tố tụng hành chính (Điều 41). Tuy nhiên, hoạt động hoà giải tại Tòa án sẽ do Chánh án Tòa án đó phụ trách (Điều 28 và một số quy định khác). Ngoài ra, Luật có những khái niệm khác nhau về “Thẩm phán phụ trách hoà giải, đối thoại”, “Thẩm phán tham gia phiên họp”.

NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT (3)

- Biên bản ghi nhận kết quả hoà giải do hoà giải viên lập, các bên, người đại diện, người phiên dịch, Hoà giải viên, Thẩm phán đều phải ký. Nếu các bên liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người khác nhưng người đó không có mặt tại phiên hòa giải, đối thoại thì phải ghi rõ trong biên bản. Biên bản được giao cho các bên có mặt và gửi cho các bên vắng mặt để họ có ý kiến (Điều 31). Kết quả chỉ được công nhận khi có ý kiến đồng ý bằng văn bản (Điều 35);
- Điều kiện công nhận kết quả hoà giải thành (Điều 33) tương tự với điều kiện quy định tại Chương XXXIII của BLTTDS 2015 và Nghị định 22/2017/NĐ-CP về hoà giải thương mại;
- Thủ tục ra quyết định công nhận kết quả hoà giải thành quy định rõ ràng hơn Chương XXXIII của BLTTDS 2015. Trong đó quy định Thẩm phán có quyền:
 - (a) Yêu cầu một hoặc các bên trình bày ý kiến về kết quả hòa giải thành, kết quả đối thoại thành đã được ghi tại biên bản;
 - (b) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền cung cấp cho Tòa án tài liệu làm cơ sở cho việc ra quyết định, nếu xét thấy cần thiết. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được Tòa án yêu cầu có trách nhiệm trả lời Tòa án trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Tòa án.



NHỮNG THÁCH THỨC ĐỐI VỚI HOÀ GIẢI THƯƠNG MẠI

THÁCH THỨC

Ưu điểm của hoà giải tại Tòa án

- Tiếp cận được số đông các bên có tranh chấp, là “cửa trình” cho mọi tranh chấp dân sự, kinh doanh thương mại;
- Được Tòa án hỗ trợ (yếu tố Nhà nước, cơ sở vật chất, kinh phí, truyền thông thị trường...) từ khâu hoà giải đến khâu công nhận kết quả hoà giải thành;
- Khả năng kết quả hoà giải thành bị Tòa án không công nhận thấp;
- Số lượng và sự phân bố Tòa án cấp huyện và tỉnh trải khắp cả nước nên thuận tiện trong việc tiếp nhận tranh chấp;
- Chi phí thấp đối với tranh chấp kinh doanh thương mại;
- Thời gian nhận, giải quyết đơn khởi kiện, đơn yêu cầu theo quy định của Luật này không tính vào thời hiệu khởi kiện, thời hạn xử lý đơn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, nếu vụ việc được giải quyết theo trình tự tố tụng.

THÁCH THỨC

Nhận thức của cán bộ Nhà nước và người dân

- Có so sánh giữa dịch vụ có “quyền lực Nhà nước” với dịch vụ tư nhân;
- Chưa hiểu rõ loại hình và phạm vi hoà giải thương mại nên có thể việc công nhận kết quả hoà giải thành bị hạn chế;
- Có thể phát sinh tâm lý “con đẻ” với “con rơi” hoặc tâm lý cạnh tranh, giành việc...
-



CƠ HỘI CẦN TẬN DỤNG

CƠ HỘI

Thúc đẩy thị trường

- Hình thành và phát triển hoà giải tại Tòa án → nhận thức của người dân, cán bộ nhà nước về hoạt động hoà giải ngoài tố tụng và khác với hoà giải cơ sở, lao động, đất đai → tác động tới thị trường.
- Nếu hoà giải tại Tòa án tốt → người dân sẽ đánh giá tốt về hoà giải
- Nếu hoà giải tại Tòa án không tốt → người dân sẽ đánh giá không tốt về hoà giải tại Tòa án và công tác giải quyết tranh chấp tại Tòa án.

Tính liêm chính, vô tư, khách quan và độc lập

- Mỗi quan hệ của Hoà giải viên và Tòa án có tính chất là hợp tác “công tư”. Nguy cơ về tính liêm chính, vô tư, khách quan và độc lập.

CƠ HỘI

Tính chuyên nghiệp và chất lượng chuyên môn

- Sự đa dạng về nguồn bổ nhiệm ở phạm vi lớn, thủ tục tuyển chọn, bổ nhiệm mang nặng tính hành chính → thách thức cho Tòa án trong việc quản lý và tập hợp được hoà giải viên có năng lực, uy tín trong xã hội, đặc biệt trong các tranh chấp kinh doanh thương mại.
- Sự đa dạng về loại tranh chấp → hoạt động hoà giải tại Tòa án khó khăn trong việc hình thành được phương pháp hoà giải cốt lõi (thúc đẩy, đánh giá, chuyển đổi).

Khả năng bảo mật

- Nhiều quy định của Luật HGĐT cho thấy tính bảo mật vụ việc hoà giải thấp → nguy cơ thông tin về “vị thế” của (các) bên bị tiết lộ cho hoạt động tố tụng kế tiếp và nguy cơ những thông tin khác bị tiết lộ.



Cảm ơn!

Nguyễn Hưng Quang
quang.nguyen@vicmc.vn
www.vicmc.vn